

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HC-ST

Ngày: 28-11-2018

*V/v Khiếu kiện hành vi hành
chính và quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước
về đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hùng

Các Hội thẩm:
1. Bà Hoàng Thị Biên
2. Ông Nguyễn Đình Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Phạm Thế Mỹ; Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2018; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST- HC ngày 08 tháng 6 năm 2018, về “*Khiếu kiện hành vi hành chính và quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST-HC ngày 11-10-2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 138/2018/QĐST-HC ngày 29-10-2018 giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Nhật M; sinh năm 1945 - bà Phan Thảo Q, sinh năm 1957; Cùng trú tại: thôn 2, xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Nhật D; sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 42 đường S, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

* *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ: số 04 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Đà Lạt, Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: ông Đoàn Văn V, Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Y, Chức vụ: Phó Chủ tịch (văn bản ủy quyền số 5631/UBND-TD ngày 04-9-2018). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện C; Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Văn H, Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hoàng P, Chức vụ: Phó Chủ tịch (văn bản ủy quyền số 297/GUQ-UBND ngày 10-9-2018). Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng L; Địa chỉ: Số 30F Cư xá L, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quang D, Chức vụ: Tổng Giám đốc – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Xuân H, Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (Văn bản ủy quyền ngày 22-10-2018). Có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ: số 04 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Đà Lạt, Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn S, Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (văn bản ủy quyền số 7243/UBND-TD ngày 05-11-2018). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Những người tham gia tố tụng khác:*

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đỗ Hiền N, Công ty Luật TNHH Nhơn Danh, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 231/96 đường Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp số 14/NBVQLIHP ngày 06-4-2018). Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện – UBND huyện C: ông Huỳnh T, Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C – Có mặt; ông Cao Xuân N, Chức vụ: Chủ tịch UBND xã P - Có mặt; ông Võ Trung L, Chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn H – Vắng mặt (cùng vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp số 52/NBVQLIHP ngày 11-9-2018).

- Người làm chứng:

Ông Trần Văn C – sinh năm 1942– Nguyên chủ tịch lâm thời xã P; Địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện C. Có mặt.

Ông Nguyễn Thanh T – sinh năm 1958 – Nguyên Tập đoàn phó Tập đoàn 16, xã P; Địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện C. Có mặt.

Ông Nguyễn C – sinh năm 1933 – Công dân cùng thời điểm sử dụng đất với hộ ông Nguyễn Nhật M; Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện C. Có mặt.

Ông Trần Hữu T – sinh năm 1956 – Công dân cùng thời điểm sử dụng đất với hộ ông Nguyễn Nhật M; Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn H, huyện C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của người khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1985 ông Nguyễn Nhật M bà Phan Thảo Q tự nguyện đi kinh tế mới theo chính sách của nhà nước. Năm 1986, ông bà mua căn nhà hiện đang cư trú và tiến hành khai hoang, trồng cây điều và keo. Ngày 26-10-1992, ông bà tiến hành kê khai Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với tổng diện tích khoảng 04ha (bao gồm 2.691m² đất đang tranh chấp sau này). Đơn đăng ký đã được UBND xã P chứng thực và từ năm 1990 đến 2005 không có tranh chấp.

Năm 2004, để phục vụ nâng cấp Tỉnh lộ 721, Trạm bơm thủy lợi xã P, UBND huyện C và UBND xã P yêu cầu ông Nguyễn Nhật M bà Phan Thảo Q cho san lấp diện tích 2.691m² đất tại vị trí Cua Đá thuộc phần diện tích 04ha mà ông bà đang canh tác và ông bà được UBND huyện C bồi thường phần tài sản gắn liền với đất theo QĐ giải quyết khiếu nại số 483/QĐ-UBND ngày 11-7-2005. Do trong QĐ số 483/QĐ-UBND nói trên có ghi “Riêng phần đất không phải bồi thường. Trả lại mặt bằng đất cho gia đình” và đất do gia đình ông Nguyễn Nhật M khai phá canh tác trước năm 1993 nên ông Nguyễn Nhật M bà Phan Thảo Q cho rằng diện tích đất trên thuộc Quyền sử dụng của gia đình ông và phải được cấp GCNQSDĐất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Năm 2005, ông Nguyễn Nhật M bà Phan Thảo Q xin cấp GCNQSDĐất diện tích đất 2.691m² nói trên nhưng không được giải quyết, tuy nhiên UBND xã P và UBND huyện C chỉ trả lời bằng Công văn chứ không bằng Quyết định giải quyết khiếu nại hoặc Quyết định thu hồi đất.

Do vậy, ông Nguyễn Nhật M bà Phan Thảo Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy:

- + Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện hành vi hành chính, ra Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với phần diện tích đất 2.691m² ;

- + Hủy một phần Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng, cụ thể, tuyên hủy phần thu hồi và giao đất cho Cty CPĐT&XD L có diện tích 2.691m².

** Theo ý kiến của đại diện người bị kiện UBND tỉnh Lâm Đồng trình bày:* Việc ban hành Quyết định 1106/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 quy định chi tiết Luật Đất đai.

Từ kết quả kiểm tra về đất đai và trên cơ sở Tờ trình số 311/TTr-STNMT ngày 26-5-2016 về việc đề nghị thu hồi đất và cho Cty CPĐT&XD L thuê để xây dựng nhà máy cấp nước sinh hoạt G tại huyện C, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 26-5-2016 với nội dung thu hồi 9.100m² đất do UBND xã P và UBND xã H 1 quản lý để giao cho Cty CPĐT&XD L thuê là đúng theo quy định của pháp luật về đất đai hiện hành.

Diện tích đất trên có nguồn gốc là đất công do Nhà nước quản lý, tại thời điểm kiểm tra để lập thủ tục thu hồi thì diện tích 9.100m² đất nói trên là đất trống nên không lập phương án giải phóng mặt bằng và tính toán bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tuyên xử không chấp nhận đơn của ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q và giữ nguyên Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 26-5-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

** Theo ý kiến của đại diện người bị kiện UBND huyện C trình bày:*

Về nguồn gốc diện tích đất của hộ ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q: vào năm 1992 hộ ông Nguyễn Nhật M có Đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đã được UBND xã P xác nhận, tuy nhiên tại thời điểm trên xã P chưa được đo đạc lập bản đồ địa chính. Năm 1996 xã P mới đo đạc lần 1 thì diện tích đất mà ông Nguyễn Nhật M kê khai đăng ký đã được đăng ký vào sổ mục kê và hiện nay tất cả diện tích đất trên đã được cấp GCNQSDĐất, tổng cộng 25.192,9m².

Riêng đối với phần diện tích 2.691m² liên kề với hộ ông Nguyễn Nhật M thuộc tờ bản đồ số 05, thôn 2, xã P nguyên trước đây thuộc đất đồi do UBND xã P quản lý tại Văn bản số 221/TB-UBND ngày 10-8-2005 thì diện tích này nằm trong quy hoạch cụm công nghiệp Đức Phở, do đó không giao đất cho ông Nguyễn Nhật M canh tác, quản lý. UBND xã P có trách nhiệm quản lý diện tích đất trên theo diện đất công ích và thống nhất đưa diện tích đất trên vào phương án tránh lũ (có Phương án Phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai của UBND xã P). Diện tích 2.691m² mà ông Nguyễn Nhật M khiếu nại có nguồn gốc là đất lâm nghiệp do Ban Quản lý rừng C quản lý thuộc Tiểu khu 533, xã P, sau khi phân định nông lâm thì UBND xã P quản lý. Trong giai đoạn 1995-1996 ông Nguyễn C, cư trú tại Thôn 1, xã P có lập dự án nhận khoán trồng rừng có xác nhận của UBND xã P. Quyết định số 3198/QĐ-UB ngày 14-10-1999 của UBND tỉnh Lâm Đồng có nội dung phê chuẩn phân định ranh giới đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp của huyện C thì xã P không còn diện tích đất lâm nghiệp. Sau văn bản 3408/UBND-CN về điều chỉnh quy hoạch và đầu tư các cụm công nghiệp thì huyện C không thuộc quy hoạch cụm công nghiệp được phê duyệt. Ông Nguyễn Nhật M có đơn xin cấp GCNQSDĐất và đã được xét cấp diện tích 25.192,9m² theo Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 23-12-1996, Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 13-02-2012, Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03-01-2012 (BL 164, 165, 166). Phần diện tích 2.691m² mà ông Nguyễn Nhật M khiếu kiện vẫn là đất công ích theo quy định và không xét cấp GCN cho hộ gia đình, cá nhân; việc cấp cho CTy L để thực hiện dự án Nhà máy nước G để phục vụ nhu cầu nước sạch tại địa phương là đúng quy định pháp luật.

Đối với việc ông Nguyễn Nhật M khiếu kiện vào ngày 23-02-2017 thì UBND huyện C đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu, Thành lập tổ xác minh nội dung khiếu nại. Tuy nhiên, UBND huyện C đã 03 lần gửi giấy mời đối thoại nhưng ông Nguyễn Nhật M bà Q không có mặt nên UBND huyện C tiến hành lập biên bản chấm dứt đối thoại theo quy định.

Việc ông, bà Nguyễn Nhật M, Phan Thảo Q đề nghị Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện hành vi hành chính, ra Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi

thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với phần diện tích đất 2691m² là không có cơ sở. UBND huyện C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

** Theo ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng L (sau đây gọi tắt là Cty L) trình bày:* Cty L được cấp GCNQSDĐất và Giấy phép xây dựng công trình Hệ thống cấp nước G theo quy định của Nhà nước. Do đó, đề nghị TAND tỉnh Lâm Đồng xét xử theo đúng quy định của Nhà nước và giữ nguyên hiện trạng tổng diện tích 9.100m² Nhà nước đã cấp GCN cho Cty L.

** Theo ý kiến của đại diện người có quyền có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng trình bày:* thống nhất với ý kiến của UBND tỉnh Lâm Đồng, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tuyên xử không chấp nhận đơn của ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q và giữ nguyên Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 26-5-52016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; tổ chức phiên đối thoại nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện của người bị kiện UBND huyện C giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q.

Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty L giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q.

Người bị kiện UBND tỉnh Lâm Đồng và người liên quan Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng vắng mặt.

Người làm chứng ông Trần Văn C, ông Nguyễn C xác nhận diện tích đất tại vị trí đồi của đá mà ông Nguyễn Nhật M khởi kiện không phải là đất của ông Nguyễn Nhật M và thực tế ông Nguyễn Nhật M cũng không quản lý, canh tác diện tích đất trên mà đất trên là đất công ích của xã, thời điểm năm 1995 ông Nguyễn C có đơn xin nhận khoán và có sơ đồ nhận khoán tại vị trí trên, có xác nhận của UBND xã P.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng các quy định tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158, Điều 164, Điều 191, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; đề nghị bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q; về yêu cầu hủy Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện

hành vi hành chính, ra Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với phần diện tích đất 2.691m² ; và yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng, cụ thể, tuyên hủy phần thu hồi và giao đất cho Cty CPĐT&XD L có diện tích 2.691m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, người bị kiện UBND tỉnh Lâm Đồng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính để tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền:*

Ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện hành vi hành chính, ra Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với phần diện tích đất 2.691m²; và yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng, cụ thể, tuyên hủy phần thu hồi và giao đất cho Cty CPĐT&XD L có diện tích 2.691m². Như vậy, căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính xác định đối tượng “*Khiếu kiện hành vi hành chính và quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính.

Thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/2/2017 ông Nguyễn Nhật M và bà Phan Thảo Q gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện C đến ngày 23/2/2017 UBND Huyện C đã tổ chức đối thoại và giải quyết kiến nghị của ông sau đó đến ngày 03/03/2017 ra thông báo số 50/TB-UBND, thông báo Kết luận nội dung giải quyết kiến nghị phản ánh của gia đình ông. Ông Nguyễn Nhật D xác định bố mẹ ông là ông Nguyễn Nhật M và bà Phan Thảo Q đã nhận được thông báo số 50/TB-UBND vào ngày 13-3-2017 thì mới được biết Quyết định 1106/QĐ-UBND ngày 26-5-2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng, đến ngày 20-3-2018 ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q mới làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (trễ 07 ngày). Lý do là trong quá trình tranh chấp đất ông Nguyễn Nhật M bị đánh gây thương tích phải nhập viện đây là lý do khách quan nên cần chấp nhận cho ông về thời hạn khởi kiện vẫn còn theo quy định Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đối chiếu với tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện:

[3.1] Về trình tự, thủ tục thẩm quyền ban hành:

Theo quy định tại Điều 66 Luật Đất đai 2013 quy định thẩm quyền thu hồi đất thì:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:

a) Thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn.”

Diện tích đất 2.691m² được người bị kiện xác định thuộc quỹ đất công ích của Thị Trấn H là thửa 656 và thửa 722 của xã P thì thuộc thẩm quyền ra quyết định thu hồi của UBND cấp tỉnh tuy nhiên trong quyết định lại ghi Chủ tịch nên hình thức ban hành quyết định là chưa đúng. Tuy nhiên, tại báo cáo ngày 12-11-2018 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng xác định “do sơ suất trong quá trình soạn thảo nên tại phần quyền hạn, chức vụ, họ tên và chữ ký của người có thẩm quyền chưa đúng về thể thức ban hành văn bản”. Đồng thời, UBND tỉnh Lâm Đồng đã có văn bản số 7247/UBND-TD ngày 06-11-2018 điều chỉnh theo quy định, điều chỉnh thẩm quyền ban hành từ “Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng” thành “Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng”. Do đó, Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 do UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành là đúng thẩm quyền và đang có hiệu lực thi hành và mục đích phục vụ chính trị tại địa phương huyện C.

Đối với Quyết định 483/QĐ-UBND ngày 11-7-2005 của UBND huyện C thì việc UBND huyện C bồi thường cây keo trồng trên đất theo sự khai nhận của gia đình ông Nguyễn Nhật M là có lợi cho gia đình ông. Diện tích đất theo Giấy xác nhận diện tích đồi được quản lý do ông Nguyễn Nhật M làm đơn vào ngày 14-8-2001 cũng có ghi vị trí đất của ông Nguyễn Nhật M có “phía Tây giáp Đồi Cua đá” chứ không phải là tại vị trí của đồi cua đá mà hiện nay ông Nguyễn Nhật M đang khởi kiện (BL 44).

[3.2] Về nội dung: Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ phần diện tích đất 2.691m² mà ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q cho rằng thuộc quyền sở hữu của ông bà thể hiện nguyên trước đây thuộc đất đồi do UBND xã P quản lý tại Văn bản số 221/TB-UBND ngày 10-8-2005 thì diện tích này nằm trong quy hoạch cụm công nghiệp Đức Phở (BL 162), do đó không giao đất cho ông Nguyễn Nhật M canh tác, quản lý. UBND xã P có trách nhiệm quản lý diện tích đất trên theo diện đất công ích và thống nhất đưa diện tích đất trên vào phương án tránh lũ (có Phương án Phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai của UBND xã P). Diện tích 2.691m² mà ông Nguyễn Nhật M khiếu nại có nguồn gốc là đất lâm nghiệp do Ban Quản lý rừng C quản lý thuộc Tiểu khu 533, xã P, sau khi phân định nông lâm thì UBND xã P quản lý. Trong giai đoạn 1995-1996 ông Nguyễn C, cư trú tại Thôn 1, xã P có lập dự án nhận khoán trồng rừng có xác nhận của UBND xã P. Quyết định số 3198/QĐ-UB ngày 14-10-1999 của UBND tỉnh Lâm Đồng có nội dung phê chuẩn phân định ranh giới đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp của huyện C thì xã P

không còn diện tích đất lâm nghiệp (BL 153). Sau văn bản 3408/UBND-CN ngày 03/07/2012 về điều chỉnh quy hoạch và đầu tư các cụm công nghiệp thì huyện C không thuộc quy hoạch cụm công nghiệp được phê duyệt (BL 155). Ông Nguyễn Nhật M có đơn xin cấp GCNQSDĐất và đã được xét cấp diện tích 25.192,9m² đã đăng ký trong đó không được cấp diện tích đất này. Phần diện tích 2.691m² sau khi phân định ranh giới 364 thì một phần đất thuộc Thị Trấn H là thửa 656 và thửa 722 thuộc xã P mà ông Nguyễn Nhật M khiếu kiện vẫn là đất công ích theo quy định và không xét cấp GCN cho hộ gia đình, cá nhân; việc cấp cho Cty L để thực hiện dự án Nhà máy nước G để phục vụ nhu cầu nước sạch tại địa phương là đúng quy định pháp luật.

Như vậy, Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng tuy ban hành có sai sót về hình thức và sau đó đã được UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành văn bản điều chỉnh về hình thức đúng theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, nội dung văn bản là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật và văn bản đang có hiệu lực thi hành, việc thực hiện nội dung của quyết định là phục vụ thiết thực cho đời sống nhân dân tại địa phương và không gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q. Việc UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định thu hồi đất số 1106/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 và UBND huyện C không cấp GCNQSDĐ cho diện tích 2.691m² cho hộ ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q và không ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường đối với diện tích đất trên là hoàn toàn đúng pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q là không có cơ sở.

[4] Từ phân tích nêu trên, cần bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 do Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành; buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện hành vi hành chính, ra Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với phần diện tích đất 2.691m² thửa 656 Thị Trấn H và thửa 722 thuộc xã P; huyện C.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện có đơn đề nghị toà đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ, đã tạm nộp chi phí tố tụng và đã được quyết toán chi phí hết 12.377.000đồng (đã được quyết toán và thanh toán đầy đủ). Do người khởi kiện đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập trong phần quyết định.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; các Điều 164, 191; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 do Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng; bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện hành vi hành chính, ra Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với diện tích đất 2.691m² thửa 656 Thị Trấn H và thửa 722 thuộc xã P; huyện C.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Nhật M, bà Phan Thảo Q phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 nộp tạm ứng án phí hành chính, theo biên lai thu số AA/2016/0010060 ngày 07-6-2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Riêng những người vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng hành chính.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh LĐ
- Người khởi kiện
- Người bị kiện
- Người liên quan
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án;

(để
thi
hành)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Văn Hùng